

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2020/HS-ST
Ngày 09- 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tấn Lãnh - Phó giám đốc Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề,
nguyên Phó bí thư Huyện đoàn Sông Hinh.

Ông Phạm Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông
Hinh, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
tham gia phiên tòa:**ông Hà Trọng Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện
Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý
số:08/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ksor Y L, sinh ngày 15/3/2002 tại Phú Yên; nghề nghiệp:
Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH tỉnh Phú Yên; trình độ
văn hóa: 9/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Nay Y C sinh năm 1973 và bà Ksor Hờ Th sinh năm 1977; tiền
án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ksor Y L: Chị Ksor Hờ Q (Chị ruột
được mẹ ủy quyền), sinh năm 1994; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH,
tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Như Th, trợ giúp viên pháp lý - Trung
tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Họ và tên: Nay Y S, sinh ngày 24/02/2000 tại Phú Yên; nghề nghiệp:
Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ

văn hóa: 8/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ksor Y G sinh năm 1977 và bà Nay Hờ R sinh năm 1980; vợ (không ĐKKH): Ksor Hờ L, sinh năm 2002; con: 01 con sinh ngày 04/3/2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Họ và tên: Ksor Y T1, sinh năm 1997 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nay Y C sinh năm 1973 và bà Ksor Hờ Th sinh năm 1977; vợ (không ĐKKH): Ksor Hờ B, sinh năm 2003; con: 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Họ và tên: Kpă Y T, sinh ngày 10/11/2001 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nay Y Tr (Chết) và bà Kpă Hờ M sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Kpă Y R (Anh ruột do mẹ ủy quyền), sinh năm 1994; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Như Th, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5. Họ và tên: Nay Phục S, sinh ngày 10/5/2003 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă Y Ó sinh năm 1974 và bà Nay Hờ T sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Kpă Y Ó (cha ruột), sinh năm 1974; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Như Th, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6. Họ và tên: Ksor Ô Si M, sinh ngày 20/9/2003 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă Y C sinh năm 1986 và bà Ksor Hờ L sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Kpă Y C (cha ruột), sinh năm 1986; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Như Th, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt.

7. Họ và tên: LMô Y L, sinh năm 1989 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă Y D sinh năm 1959 và bà Lê Mô Hờ Ng sinh năm 1968; vợ: Nay

Hồ L sinh năm 1994; Con: Có 2 con, sinh năm 2012 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Khánh D, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt.

8. Họ và tên: Nay Y Ng, sinh năm 1996 tại Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpá Y D sinh năm 1971 và bà Nay Hồ N sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Anh A Lê Y M, sinh ngày 03/6/2001; trú tại: Buôn XD, xã ST, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của A Lê Y M có ông Ksor Y B (Cha ruột), sinh năm 1970; trú tại: Buôn XD, xã ST, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ksor Hồ Th, sinh năm 1977; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bà Kpá Hồ M, sinh năm 1971; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Ông Kpá Y Ổ, sinh năm 1974; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Ông Kpá Y C, sinh năm 1986; trú tại: Buôn Th, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5. Ông Phan Văn H, sinh năm 1949; trú tại: Khu phố NQ, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

6. Anh Nay Y Kh, sinh năm 1995; trú tại: Thôn DLC, xã ECR, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

7. Anh Nay Y V, sinh năm 1996; trú tại: Thôn TN, xã ST, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

8. Anh Ksor Y Th, sinh năm 1999; trú tại: thôn Pl, xã CN, huyện KP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

9. Anh Ksor Y Th1, sinh năm 2000; trú tại: Thôn ĐLA, xã ECR, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt do đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

10. Ông Ksor Y B, sinh năm 1970; trú tại: Buôn XD, xã ST, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Giám định viên: Ông Lê Phú S - Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại

phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 10/12/2018, tại quán của ông Phan Văn H ở trước chợ trung tâm thị trấn HR, SH, Phú Yên có 2 nhóm ăn nhậu là Kpă Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng (từ đây gọi tắt là nhóm của Y T) và nhóm của A Lê Y M gồm A Lê Y M, Nay Y Kh, Ksor Y V, Ksor Y Th và Ksor Y Th1. Trong lúc ăn nhậu, Y M thấy Y T là người quen nên Y M cầm ly rượu qua mời Y T uống rồi trở về bàn của mình. Nhóm Y T ra về trước, khi đến cổng chợ thì trời mưa nên đứng lại trú mưa. Trong lúc trú mưa Y T nói trước đây qua Sơn Hòa bị Y M dọa đánh, Phục S cũng nói trước đây qua SH1 bị thanh niên SH1 đánh. Nghe Y T và Phục S nói, cả nhóm cùng thống nhất đánh nhóm của Y M. Ngay lập tức, Y T1 gọi gọi điện thoại rủ Ksor Y L đến đánh nhóm Y M. Y L đồng ý và rủ Nay Y S cùng đi và được Y T đến đón chờ cả hai tới chỗ nhóm mình trú mưa. Đến nơi, nghe nhóm Y T kể lại việc trước đây Y T và Phục S bị thanh niên SH1 đánh, Y S hỏi thì nhóm Y T chỉ nhóm Y M đang ngồi nhậu tại quán ông H. Y S, Y L, Phục S đi đến bàn Y M, còn Y T, Y T1, Y L, Ô Si M, Y Ng đứng xung quanh bàn Y M, mục đích nếu nhóm Y M bỏ chạy thì sẽ đuổi đánh. Y S hỏi ai là Y M, Y M đứng dậy quay lại nói “Tôi là Y M” thì liền bị Y S cầm ghế nhựa tại quán đánh 01 cái trúng vào mí mắt trái của Y M. Y L nhặt một viên đá có cạnh ném trúng vào thái dương phải của Y M làm Y M ngã xuống đất bất tỉnh. Thấy Y M bị đánh, Y Kh, Y V, Y Th và Y Th1 vào can ngăn thì liền bị Y T, Phục S, Y T1, Y L, Ô Si M, Y Ng chạy đến dùng ghế nhựa và tay, chân đánh nên Y Kh, Y V, Y Th và Y Th1 bỏ chạy, nhóm của Y T đi về, Y M bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện tỉnh Phú Yên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, trình bày đã nhờ gia đình bồi thường cho bị hại 40.000.000^d (phần bị cáo Y L 11.000.000^d; Y T 10.000.000^d; Y T 7.000.000^d; Y Ng 7.000.000^d; Y L 3.000.000^d; Y S 1.000.000^d; Nay Phục S 500.000^d; Ksor Ô Si M 500.000^d), ăn năn hối hận về hành vi của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại A Lê Y M trình bày: Đã nhận 38.000.000^d do các bị cáo bồi thường, yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường 100.000.000^d – 38.000.000^d = 62.000.000^d các khoản cơm thuốc, tiền xe vận chuyển, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, mất thu nhập và tổn thất về tinh thần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: -Bà Ksor Hờ Th trình bày số tiền Y và Y T1 (2 con trai ruột của bà) đã bồi thường là của gia đình bà và các con, bà không có yêu cầu gì.

-Bà Kpă Hờ M trình bày: Số tiền Y T đã nộp bồi thường cho bị hại là của bà cùng các con, bà không có yêu cầu gì về số tiền này.

- Ông Phan Văn H; anh Nay Y Kh; anh Nay Y V; anh Ksor Y Th; anh Ksor Y Th1; ông Ksor Y B không có yêu cầu gì.

Tại bản giám định pháp y số 22/TgT ngày 11/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: A Lê Y M bị thương tích tỉ lệ 37% do vật có cạnh gây nên.

Vật chứng thu giữ:- 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu đỏ; 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu xanh; 01 (Một) mảnh vỡ nhựa màu trắng đỏ;

- 05 (Năm) đôi dép; 01 (Một) chiếc dép bên trái màu xanh và 03 (Ba) mũ lưỡi trai màu đen, đều đã cũ và đã qua sử dụng.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh truy tố các bị cáo Ksor Y L, Nay Y S, Kpă Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y N về tội Cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về kết luận giám định pháp y.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố bổ sung quan điểm truy tố các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS với hai tình tiết quy định tại điểm a “Dùng hung khí nguy hiểm” và điểm i “Có tính chất côn đồ” theo khoản 1 Điều 134 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 54 BLHS xử phạt: Ksor Y L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án;

-Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS đối với Nay Y S và Ksor Y T1; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Ksor Y T1, xử phạt: Ksor Y T1 và Nay Y S mỗi bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án;

-Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 BLHS, xử phạt: bị cáo Kpă Y T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án;

-Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS, xử phạt LMô Y L và Nay Y Ng mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù đều cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Điều 65 BLHS xử phạt Nay Phục S, Ksor Ô Si M, mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù đều cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng cho UBND thị trấn HR quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo Ksor Y L, Kpă Y T, Nay Phục S, Ksor Ô Si M- Luật sư Trần Thị Như Th trình bày: Hoàn toàn nhất trí với cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M các tính chi phí bồi thường trách nhiệm dân sự là phù hợp. Đối với mức án và hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Ksor Y L, Kpă Y T là quá nghiêm khắc, nhất là đối với Y T, vì các bị cáo tuổi đời còn quá trẻ, bồng bột nên thống nhất thực hiện hành vi một cách rất đơn giản, Y L cầm đá ném đại về nhóm của Y M, nhân thân của các bị cáo đều chưa thành niên, thể chất, tinh thần phát triển chưa đầy đủ, còn quá hạn chế, sau khi phạm tội Y L bị tai nạn giao thông làm ảnh hưởng đến thính lực và trí nhớ, các bị cáo đã rất tích cực bồi thường mặc dù gia đình đều thuộc diện hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện cải tạo, khắc phục thiệt hại cho gia đình của bị hại. Và đề nghị miễn án phí dân sự cho các bị cáo vì thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Mô Y L - bà Nguyễn Thị Khánh D, trợ giúp viên pháp lý trình bày: Hoàn toàn nhất trí với cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, xử lý vật chứng, cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được học, hạn chế về nhận thức, áp dụng khoản 2 Điều 54, khoản 1 Điều 65, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP cho bị cáo hưởng mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện cải tạo, khắc phục thiệt hại cho gia đình của bị hại. Đề nghị áp dụng nghị quyết 326/2016/QH14 miễn án phí dân sự cho bị cáo vì thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 18/10/2018 tại chợ trung tâm thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, mặc dù giữa hai nhóm không có mâu thuẫn, chỉ vì duyên cớ nhỏ nhặt, nhưng Nay Y S đã có hành vi dùng ghế nhựa, Ksor Y L dùng viên đá có cạnh là hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS đánh A Lê Y M gây thương tích 37% thể hiện tính chất côn đồ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS. Điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

*c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến dưới 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”,*nên Ksor Y L và Nay Y S đã phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

Đối với Kpả Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng bao vây, dùng tay, chân đánh những người đi cùng trong nhóm Y M, không trực tiếp đánh gây thương tích cho Y M nhưng trước đó đã cùng thống nhất ý chí đánh nhóm của Y M, vì vậy cũng phải chịu trách nhiệm hình sự chung với Y L và Y S về tội Cố ý gây thương tích với vai trò đồng phạm. Do đó tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh bổ sung cáo trạng truy tố các bị cáo Ksor Y L, Nay Y S, Kpả Y T, Ksor Y T, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng về tội Cố Ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS với các tình tiết quy định tại điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS là có cơ sở, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Các bị cáo là người nhận thức được việc xâm phạm sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã bàn bạc thống nhất ý chí dùng đá, ghế nhựa, tay, chân đánh anh Y M và các thanh niên trong nhóm Y M, gây thương tích cho Y M với tỉ lệ 37%. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, nên phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại 40.000.000^d (phần bị cáo Y L 11.000.000^d; Y T1 10.000.000^d; Y T 7.000.000^d; Y Ng 7.000.000^d; Y L 3.000.000^d; Y S 1.000.000^d; Nay Phục S 500.000^d; Ksor Ô Si M 500.000^d) nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS khi lượng hình. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, là đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức có phần hạn chế, nên áp dụng Điều 54 BLHS cho các bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo thấy rằng:Ksor Y L là người trực tiếp dùng đá ném vào đầu bị hại, phần lớn thương tích của bị hại Y M là do Y L

gây ra, Nay Y S là người chủ động hỏi vị trí nhóm Y M, trực tiếp dùng ghế đánh Y M trước thể hiện vai trò tích cực trong nhóm. Đối với Ksor Y T1 là người đã thành niên, chủ động gọi điện thoại kêu Y L là người chưa thành niên tới đánh nhóm của Y M, vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS khi lượng hình. Đối với Kpă Y T thừa nhận khi kể việc trước đây bị Y M dọa đánh là đã có ý thức muốn đánh nhóm Y M, dẫn đến cả nhóm thống nhất đánh nhóm Y M, không trực tiếp gây thương tích cho Y M nhưng tham gia tích cực như đi chở Y L và Y S đến, tham gia đánh các bạn trong nhóm của Y M, vai trò của Y T1, Y T tích cực, nguy hiểm chỉ sau Y L và Y S. Hành vi phạm tội của Y L, Y S, Y T1, Y T là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự côn đồ, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, nên phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa. Khi phạm tội Y L mới 16 năm 8 tháng 25 ngày tuổi; Y T mới 17 năm 01 tháng tuổi nên được áp dụng quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 BLHS xử các bị cáo này mức án không quá $\frac{3}{4}$ mức án mà điều luật quy định;

Đối với các bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng không trực tiếp gây thương tích cho Y M nhưng đều thống nhất ý chí, đều trực tiếp tham gia đánh nhau với nhóm Y M nên phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 BLHS và có tính chất, mức độ, vai trò ngang nhau trong vụ án. Nay Phục S, Ksor Ô Si M khi phạm tội đều chưa thành niên (Nay Phục S 15 năm 07 tháng tuổi; Ô Si M 15 năm 02 tháng 20 ngày tuổi), nên được áp dụng quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Nay Phục S và Ksor Ô Si M không quá $\frac{1}{2}$ mức án mà điều luật quy định, nhưng phần khắc phục hậu quả của Nay Phục S và Ksor Ô Si M thấp hơn nhiều so với LMô Y L và Nay Y Ng, nên xét cho 4 bị cáo này hưởng mức án bằng nhau. Xét các bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ổn định nên không cần cách ly ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo;

Như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Anh A Lê Y M bị gây thương tích tổn hại 37% sức khỏe nên anh yêu cầu các bị cáo bồi thường tổn hại về sức khỏe theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Sau khi xem xét các chứng từ tài liệu người bị hại đã cung cấp yêu cầu bồi thường 100.000.000^d, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng các Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 590 BLDS chấp nhận: Tiền mất thu nhập bị hại trong thời gian điều trị: 18 ngày x 200.000^d/ngày = 3.600.000^d; Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh: 170.000^d x 18 ngày = 3.060.000; Tiền mất thu nhập sau khi xuất viện: 30 ngày x 200.000/ngày = 6.000.000^d; tiền chi phí điều trị; tiền xe đi lại có chứng từ là 3.669.044^d; tiền tổn thất tinh thần 25 tháng x 1.490.000^d = 37.250.000^d; tổng cộng 46.919.000^d. Các bị cáo đã bồi thường 40.000.000^d, còn lại phải liên đới bồi thường 6.919.000^d, theo phần các bị cáo thỏa thuận là Y L 25%, Y S 15%, các bị cáo còn lại mỗi bị cáo 10%.

Đoàn chiếu với quy định tại Điều 48 BLHS, Điều 586, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản sau:

Tiền khám, điều trị có chứng từ của bệnh viện quân y 13: 369.044^d;

Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe: 60 ngày x 200.000^d = 12.000.000^d;

Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, bông băng cá nhân khi điều trị và sau khi ra viện: 60 ngày x 100.000^d = 6.000.000^d

Tiền xăng xe đi điều trị và đi giám định: 550.000^d + 450.000^d + 1.500.000^d + 1.800.000^d = 4.300.000^d;

Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 20 tháng x 1.490.000^d = 29.800.000^d.

Tiền mất thu nhập của người nuôi: 19 ngày x 150.000^d = 2.850.000^d;

Tổng cộng: 55.319.000^d.

Các bị cáo thỏa thuận phân chia trách nhiệm bồi thường: Phần Y L 25%, Y S 15%, các bị cáo còn lại mỗi bị cáo 10% là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tỷ lệ này, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại A Lê Y M là 55.319.000^d, phần bị cáo Y là 55.319.000^d x 25% = 13.830.000^d; Y S là 55.319.000^d x 15% = 8.298.000^d; Y T1, Y T, Y L, Phục S, Ô Si M, Y Ng mỗi bị cáo là 55.319.000^d x 10% = 5.532.000^d (tất cả đã làm tròn số); được trừ vào số tiền đã bồi thường trước 40.000.000^d (Bị hại đã nhận 38.000.000^d, 2.000.000^d tại biên lai thu tiền số 000755, 000756 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình; phần bị cáo Y L 11.000.000^d; Y T1 10.000.000^d; Y T 7.000.000^d; Y Ng 7.000.000^d; Y L 3.000.000^d; Y S 1.000.000^d; Nay Phục S 500.000^d; Ksor Ô Si M 500.000^d) nên còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại 15.319.000^d. Trong đó, Y T1, Y T, Y Ng đã bồi thường dư, vì vậy các bị cáo Y L, Y L, Y S, Nay Phục S và Ô Si M phải tiếp tục bồi thường cho bị hại và hoàn trả cho Y T1, Y T, Y Ng cụ thể như sau:

Y L: 13.830.000^d - 11.000.000^d = 2.830.000^d; Y L: 5.532.000^d - 3.000.000^d = 2.532.000^d; Nay Phục S: 5.532.000^d - 500.000^d = 5.032.000^d; Ksor Ô Si M 5.532.000^d - 500.000^d = 5.032.000^d; Y S 8.298.000^d - 1.000.000^d = 7.298.000^d;

Hoàn trả cho các bị cáo Y T1: 10.000.000^d - 5.532.000^d = 4.468.000^d, Y T: 7.000.000^d - 5.532.000^d = 1.468.000^d, Y Ng: 7.000.000^d - 5.532.000^d = 1.468.000^d.

Các bị cáo Nay Phục S và Ksor Ô Si M phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ (vợ chồng ông Kpă Y C và vợ chồng ông Kpă Y Ó) phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu đỏ; 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu xanh; 01 (Một) mảnh vỡ nhựa màu trắng đỏ; 05 (Năm) đôi dép; 01 (Một) chiếc dép bên trái màu xanh và 03 (Ba) mũ lưỡi trai màu đen, đều đã cũ và không còn giá trị sử dụng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn theo quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 và Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 nên xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo như đề nghị của những người bào chữa là có cơ sở. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ksor Y L, Nay Y S, Kpă Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng phạm tội Cố ý gây thương tích.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 BLHS đối với Ksor Y L, Kpă Y T, Nay Phục S và Ksor Ô Si M; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Ksor Y T1; áp dụng Điều 65 BLHS đối với các bị cáo LMô Y L, Nay Y Ng, Nay Phục S và Ksor Ô Si M, xử phạt:

Các bị cáo Ksor Y L, Ksor Y T1 và Nay Y S mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù; bị cáo Kpă Y T 02 năm tù, thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày đi thi hành án;

Các bị cáo LMô Y L, Nay Y Ng, Nay Phục S và Ksor Ô Si M mỗi bị cáo 02 năm tù và đều cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng cho Ủy ban nhân dân thị trấn HR quản lý, giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS và Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Ksor Y L, Nay Y S, Kpă Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L và Nay Y Ng phải liên đới bồi thường

cho bị hại A Lê Y M **55.319.000^d**, phân bị cáo Y L là $55.319.000^d \times 25\% = \mathbf{13.830.000^d}$; Y S là $55.319.000^d \times 15\% = \mathbf{8.298.000^d}$; Y T1, Y T, Y L, Phục S, Ô Si M, Y Ng mỗi bị cáo là $55.319.000^d \times 10\% = \mathbf{5.532.000^d}$ (tất cả đã làm tròn số); được trừ vào số tiền đã bồi thường trước **40.000.000^d** (Bị hại đã nhận **38.000.000^d**, **2.000.000^d** tại biên lai thu tiền số 000755, 000756 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình: phân bị cáo Y L **11.000.000^d**; Y T1 **10.000.000^d**; Y T **7.000.000^d**; Y Ng **7.000.000^d**; Y L **3.000.000^d**; Y S **1.000.000^d**; Nay Phục S **500.000^d**; Ksor Ô Si M **500.000^d**) nên còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại A Lê Y M **15.319.000^d** (Mười lăm triệu ba trăm mười chín ngàn đồng), và hoàn trả cho Y T1, Y T, Y Ng **7.404.000^d** (Bảy triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng), cụ thể như sau:

Y L: **2.830.000^d** (Hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng); Y L: **2.532.000^d** (Hai triệu năm trăm ba mươi hai ngàn đồng); Nay Phục S: **5.032.000^d** (Năm triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng); Ksor Ô Si M **5.032.000^d** (Năm triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng); Y S **7.298.000^d** (Bảy triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng); Hoàn trả phần nộp thừa cho các bị cáo Y T1: **4.468.000^d** (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng), Y T: **1.468.000^d** (Một triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng), Y Ng: **1.468.000^d** (Một triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Các bị cáo Nay Phục S và Ksor Ô Si M phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ (vợ chồng ông Kpá Y C và vợ chồng ông Kpá Y Ó) phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu đỏ; 02 (Hai) mảnh vỡ nhựa màu xanh; 01 (Một) mảnh vỡ nhựa màu trắng đỏ; 05 (Năm) đôi dép; 01 (Một) chiếc dép bên trái màu xanh và 03 (Ba) mũ lưỡi trai màu đen, đều đã cũ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Sông Hình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo Ksor Y L, Nay Y S, Kpá Y T, Ksor Y T1, Nay Phục S, Ksor Ô Si M, LMô Y L, Nay Y Ng phải chịu **200.000^d** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo Nay Phục S và Ksor Ô Si M, người bào chữa cho các bị cáo Nay Phục S và Ksor Ô Si M, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh(2)
- Công an H.Sông Hinh;
- Các bị cáo;NBC, ĐDHP;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

